

PHIẾU BÀI TẬP: PHÉP TRỪ DẠNG 17 - 2

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. Kết quả của phép tính $19 - 6$ là:

A. 12

B. 13

C. 14

D. 15

Câu 2. Quan sát hình và tính:



$$\boxed{16} - \boxed{3} = \boxed{?}$$

A. 12

B. 13

C. 14

D. 11

Câu 3. Số thích hợp vào ô trống: $\boxed{18} - \boxed{?} = \boxed{14}$

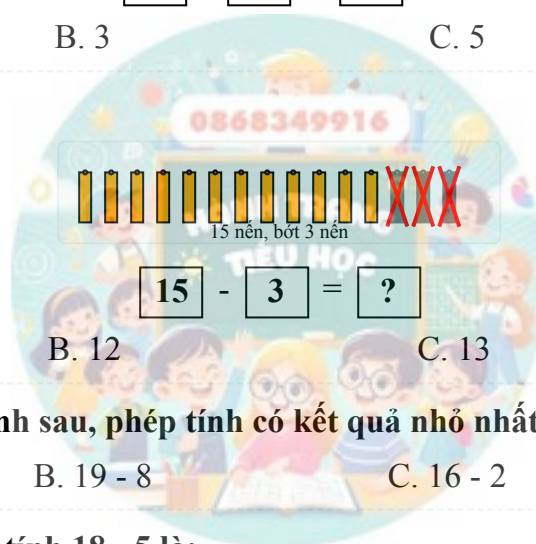
A. 4

B. 3

C. 5

D. 2

Câu 4. Số?



A. 11

B. 12

C. 13

D. 10

Câu 5. Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả nhỏ nhất là:

A. $15 - 3$

B. $19 - 8$

C. $16 - 2$

D. $17 - 4$

Câu 6. Kết quả của phép tính $18 - 5$ là:

A. 12

B. 14

C. 13

D. 15

Câu 7. Phép tính có kết quả lớn nhất là:

A. $15 - 1$

B. $19 - 7$

C. $16 - 3$

D. $18 - 6$

Câu 8. $\boxed{19} - \boxed{?} = \boxed{14}$

A. 4

B. 6

C. 5

D. 3

Câu 9. Phép tính nào dưới đây có kết quả bằng 12?

A. $17 - 4$

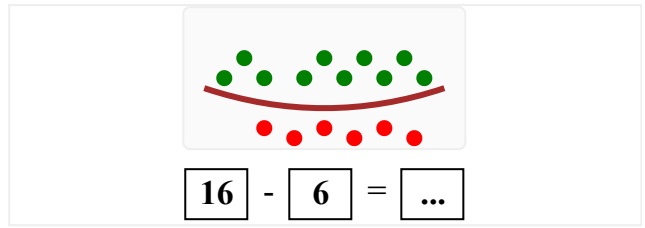
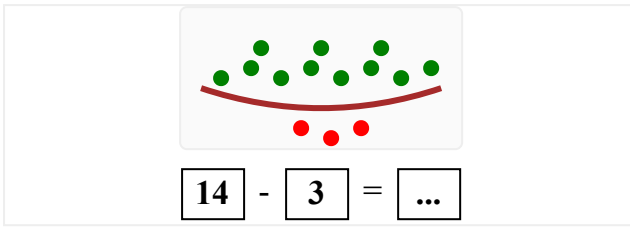
B. $15 - 2$

C. $16 - 4$

D. $18 - 5$

II. PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1. Quan sát tranh và viết phép tính thích hợp:



Bài 2. Tính:

$14 - 2 = \dots\dots\dots$

$17 - 5 = \dots\dots\dots$

$19 - 3 = \dots\dots\dots$

$16 - 1 = \dots\dots\dots$

$12 - 1 = \dots\dots\dots$

$18 - 4 = \dots\dots\dots$

$15 - 2 = \dots\dots\dots$

$13 - 0 = \dots\dots\dots$

Bài 3. Nối phép tính với kết quả đúng:

$15 - 1$

$18 - 6$

$19 - 4$

$17 - 7$

12

10

14

15

Bài 4. Điền dấu >, <, = thích hợp vào chỗ chấm:

$17 - 2 \dots\dots\dots 14$

$19 - 5 \dots\dots\dots 15$

$16 - 4 \dots\dots\dots 12$

$18 - 3 \dots\dots\dots 16 - 1$

Bài 5. Tính nhẩm:

$14 - 1 - 2 = \dots\dots\dots$

$18 - 5 - 1 = \dots\dots\dots$

$16 - 3 - 2 = \dots\dots\dots$

$19 - 4 - 3 = \dots\dots\dots$

Bài 6. Viết phép tính trừ thích hợp (Quả táo):



$\square - \square = \square$

Bài 7. Viết phép tính trừ thích hợp (Củ cà rốt):



$\square - \square = \square$